

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Kim Cúc

2. Bà Bàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2026/HNGĐ-ST ngày 09/01/2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thào Thị M, sinh năm 2002, địa chỉ: Bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A L, sinh năm 2001, địa chỉ: Bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/12/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thào Thị M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị M và anh Giàng A L kết hôn với nhau ngày 26/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Phù Yên, tỉnh Sơn La). Khi kết hôn, anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh

phúc một thời gian, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L lười lao động, cờ bạc và không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị M và anh L đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Giàng A L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Khoa N, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Giàng Thanh P, sinh ngày 13/4/2023. Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Thảo Thị M xin miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh lập ngày 25/02/2026 với chính quyền địa phương bản S, xã S, tỉnh Sơn La xác định: Chị Thảo Thị M và anh Giàng A L là công dân cư trú trên địa bàn bản S, xã S, tỉnh Sơn La, anh L, chị M là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định năm 2022 và có với nhau hai người con chung là Giàng Khoa N và Giàng Thanh P, hiện nay cháu N và cháu K đang ở cùng với mẹ đẻ bên gia đình nhà chị M tại bản Sái Tú, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La. Thời gian anh L, chị M chung sống có cùng nhau đi làm công nhân ở công ty và có gửi 02 con chung cho gia đình bên vợ chăm sóc, trông nom giúp. Quá trình chung sống do thu nhập của 2 vợ chồng không ổn định nên đã nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng chưa được cơ sở bản, chính quyền địa phương hòa giải lần nào. Từ tháng 6/2025 đến tháng 01 năm 2026 anh L vẫn sinh sống tại gia đình ở bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên từ thời điểm tháng 01/2026 đến nay anh L đi làm ăn xa nhà, cơ sở bản không nắm được anh L đang làm gì, ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào, không được biết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 25/02/2026 với anh Giàng A V bản S, xã S, tỉnh Sơn La là anh trai của anh Giàng A L xác định: Anh L, chị M là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định năm 2022 và có với nhau hai người con chung là Giàng Khoa N và Giàng Thanh P, hiện nay cháu N và cháu K đang ở cùng với mẹ đẻ bên gia đình nhà chị M tại bản Sái Tú, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La. Thời gian anh L, chị M chung sống có cùng nhau đi làm công nhân công ty có gửi 02 con chung cho gia đình bên vợ chăm sóc, trông nom giúp. Quá trình chung sống do thu nhập của 2 vợ chồng không ổn định nên đã nảy sinh mâu thuẫn, bất hòa và đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 6/2025 đến tháng 01 năm 2026 anh L vẫn sinh sống tại gia đình ở bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên từ thời điểm tháng 01/2026 đến nay anh L đi làm ăn xa nhà, gia đình không nắm được anh L đang làm gì, ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào không được biết. Việc chị M có đơn khởi kiện về việc ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La gia đình anh Vang đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 5 –

Sơn La là Thông báo thụ lý vụ án số 41/2026/TB-TLVA ngày 09 tháng 01 năm 2026, gia đình đã gọi điện thông tin cho anh L về nội dung, anh L đã biết việc chị M khởi kiện xin ly hôn với anh L tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La. Quá trình chung sống vợ chồng anh Giàng A L và chị Thào Thị M không có tài sản chung.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Giàng A L có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt thường xuyên tại bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Anh L đã nhận được bản sao các tài liệu chứng cứ của chị Thào Thị M giao nộp tại Tòa án, đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thào Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thào Thị M được ly hôn anh Giàng A L.

- Về con chung: Giao cháu Giàng Khoa N, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Giàng Thanh P, sinh ngày 13/4/2023 cho chị Thào Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Giàng A L do chị Thào Thị M chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Thào Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thảo Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là “ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Giàng A L cư trú tại bản S, xã S, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Bị đơn Giàng A L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Giàng A L đã cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương và gia đình về việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh Giàng A L. Gia đình và chính quyền địa phương xác nhận có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã thông báo, giải thích, động viên, thuyết phục để anh Giàng A L chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Giàng A L biết chị Thảo Thị M khởi kiện ly hôn nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chứng tỏ anh Giàng A L đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thảo Thị M và anh Giàng A L đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2022. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã Phù Yên, tỉnh Sơn La). Do đó quan hệ hôn nhân của chị Thảo Thị M và anh Giàng A L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L lười lao động, cờ bạc và không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Hai anh, chị sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Lời khai của chị Thảo Thị M là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị Thảo Thị M xác định không còn tình cảm với anh Giàng A L và yêu cầu ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh Giàng A L nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng anh L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng minh rằng anh Giàng A L không còn tình cảm với chị Thảo Thị M. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai anh, chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thảo Thị M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Giàng Khoa N, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Giàng Thanh P, sinh ngày 13/4/2023. Quá trình giải quyết vụ án chị Thào Thị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và phù hợp với tình trạng thực tế cần giao các cháu Nhi và cháu Phong cho chị Thào Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thào Thị M không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó HĐXX chấp nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự. Vì vậy, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Giàng A L do chị Thào Thị M chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thào Thị M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn do đó căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thào Thị M.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thào Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thào Thị M được ly hôn anh Giàng A L.

- Về con chung: Giao cháu Giàng Khoa N, sinh ngày 05/7/2021 và cháu Giàng Thanh P, sinh ngày 13/4/2023 cho chị Thào Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Giàng A L do chị Thào Thị M chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thảo Thị M.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 – Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã Phù Yên, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ứng Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ứng Văn Cường

